93

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 118 /2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2013*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2)

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào Hiệp định Vay số VN11-P9 đã ký ngày 30/3/2012 (sau đây gọi tắt là Hiệp định vay) giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (sau đây gọi tắt là JICA) tài trợ cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (sau đây gọi tắt là Dự án);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản cho Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục giải ngân và cơ chế quản lý tài chính áp dụng đối với Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh tham gia Dự án và các đơn vị trực thuộc có liên quan.

2. Ngân hàng phục vụ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và ngân hàng quản lý tài khoản tạm giữ do các Ban Quản lý dự án lựa chọn;

3. Bộ Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản để thực hiện Dự án.

Điều 3. Mô tả Dự án

Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ là Dự án nhằm phục hồi và quản lý bền vững diện tích rừng phòng hộ và cải thiện sinh kế tại 11 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận) theo quy định tại Hiệp định vay số VN11-P9 giữa JICA và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 30/3/2012 (Hiệp định vay) và phù hợp với Dự án đầu tư được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/2/2012.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn vốn vay cho Dự án

Nguồn vốn vay JICA theo Hiệp định vay là khoản vay của Chính phủ được quản lý theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, các chế độ chi tiêu hiện hành. Bộ Tài chính có trách nhiệm trả nợ cho JICA khi đến hạn (bao gồm cả gốc và lãi). Nguồn vốn này được cân đối vào Ngân sách Nhà nước để cấp phát cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các hoạt động dự án (Bao gồm cả hoạt động tư vấn nước ngoài cho toàn dự án) và các địa phương theo hình thức ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện các dự án thành phần tại địa phương.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý Dự án

Các cấp quản lý Dự án:

1. Cấp trung ương: Cơ quan chủ quản toàn Dự án là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (căn cứ Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT). Chủ đầu tư là Ban quản lý các dự án lâm nghiệp. Cơ quan thực hiện Dự án là Ban quản lý dự án trung ương thành lập theo Quyết định số 602/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cơ quan quản lý Dự án cấp trung ương chịu trách nhiệm thực hiện phần dự án ở trung ương và điều phối chung toàn bộ Dự án tại 11 tỉnh.

2. Cấp địa phương: Cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân của 11 tỉnh tham gia Dự án. Chủ đầu tư là Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc các tỉnh tham gia dự án. Đơn vị thực hiện dự án là các Ban quản lý dự án tỉnh thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ quan quản lý Dự án cấp địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các tiểu dự án cụ thể tại địa phương phù hợp với Dự án đầu tư đã được phê duyệt và Hiệp định vay và quy định trong nước hiện hành.

Điều 6. Ngân hàng phục vụ

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được uỷ quyền thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đối ngoại, có trách nhiệm ký thoả ước Ngân hàng với phía nước ngoài trên cơ sở của Hiệp định vay vốn JICA và thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng trong nước cần thiết để thanh toán cho các Hợp đồng thuộc Dự án.

2. Các Ngân hàng quản lý tài khoản tạm giữ của các Ban QLRPH thực hiện việc quản lý tài khoản tạm giữ theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động ngân hàng và quy định tại Thông tư này

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

RÚT VỐN VÀ THANH TOÁN

Điều 7. Nội dung thanh toán hợp lệ từ nguồn vốn vay của JICA

1. Nguồn vốn của JICA thuộc Hiệp định vay được sử dụng để thanh toán cho các nội dung sau:

a) Hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài;

b) Hợp đồng nhập khẩu, mua sắm vật tư, hàng hoá, thiết bị trong và ngoài nước cho Dự án;

c) Thanh toán cho khối lượng xây lắp, công trình lâm sinh và dịch vụ khác theo các Hợp đồng của Dự án;

d) Các khoản phí cam kết và lãi khoản vay trong thời gian giải ngân theo quy định tại Hiệp định vay.

2. Vốn vay JICA không được sử dụng để thanh toán các hạng mục đền bù giải phóng mặt bằng, các loại thuế, chi phí quản lý Dự án, phí dịch vụ ngân hàng, phí bảo hiểm công trình.

Điều 8. Vốn đối ứng trong nước

1. Vốn đối ứng do ngân sách trung ương bố trí: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện dự án và cân đối với tiến độ giải ngân vốn nước ngoài cho các nội dung sau:

a) Chi phí quản lý dự án cho Ban quản lý dự án trung ương;

b) Phí dịch vụ ngân hàng đối với các khoản thanh toán liên quan đến dịch vụ tư vấn;

c) Chi phí khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, dự toán rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc hóa học;

d) Chi phí phúc kiểm nghiệm thu các hoạt động đầu tư lâm sinh của toàn Dự án;

e) Chi phí liên quan đến việc tổ chức giám sát, theo dõi, đánh giá Dự án;

g) Chi phí trong nước cho Nhà nhập khẩu trong trường hợp ủy thác nhập khẩu: phí uỷ thác nhập khẩu, thuế nhập khẩu hàng hoá, thuế giá trị gia tăng (nếu

có), chi phí tiếp nhận, cung ứng, vận chuyển hàng hoá từ cảng đến công trình, nơi tiếp nhận;

g) Chi phí kiểm toán hàng năm cho toàn Dự án;

h) Các chi phí hợp lệ khác của dự án đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vốn đối ứng do Ngân sách địa phương bố trí: Ngân sách địa phương đảm bảo vốn đối ứng cân đối với tiến độ thực hiện vốn nước ngoài trong mỗi kỳ kế hoạch của dự án cho các nội dung sau:

a) Chi phí quản lý của Ban quản lý dự án địa phương;

b) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí thăm dò, khảo sát thiết kế và lập dự toán xây dựng dự án và phí quản lý (đối với quá trình thi công dự án), phí tư vấn giám sát;

c) Phí dịch vụ ngân hàng trong nước (đối với các khoản thanh toán cho nhà thầu);

d) Các loại thuế gián thu (gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu) đối với hàng hoá, dịch vụ áp dụng cho chương trình dự án ODA vay để cấp phát cho các Dự án tại địa phương;

e) Chi phí trong nước cho Nhà nhập khẩu trong trường hợp ủy thác nhập khẩu: phí ủy thác nhập khẩu, thuế nhập khẩu hàng hoá, thuế giá trị gia tăng (nếu có), chi phí tiếp nhận, cung ứng, vận chuyển hàng hoá từ cảng đến công trình;

f) Phí bảo hiểm công trình (nếu có);

g) Chi phí kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của tiểu Dự án tỉnh;

h) Các chi phí hợp lệ khác của dự án đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 9. Các vấn đề liên quan đến hợp đồng kinh tế

1. Thủ tục phê duyệt hợp đồng của JICA thực hiện theo quy định của Hiệp định vay. Hợp đồng có trị giá từ 0,5 tỷ Yên Nhật (quy ra VND theo tỷ giá JPY/VND do Vietcombank công bố vào thời điểm ký hợp đồng) trở lên phải được gửi đến Ban quản lý các dự án lâm nghiệp/Ban quản lý dự án trung ương để tổng hợp gửi JICA làm thủ tục thông qua từng hợp đồng;

2. Danh mục hợp đồng: Các hợp đồng có giá trị dưới 0,5 tỷ Yên Nhật (quy ra VND theo tỷ giá JPY/VND do Vietcombank công bố vào thời điểm ký hợp đồng) được Ban quản lý dự án các tỉnh đưa vào danh mục hợp đồng sử dụng vốn JICA (theo mẫu Phụ lục 2) ban hành kèm theo Thông tư này. Ban quản lý Dự án tỉnh gửi danh mục hợp đồng đã được ký kết cho Ban quản lý Dự án trung ương. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được danh mục, nếu Ban quản lý dự án trung ương không có ý kiến phản đối, các hợp đồng trong danh mục hợp đồng đã được chấp thuận và sẽ được thanh toán bằng vốn vay của JICA. Danh mục hợp đồng này sẽ được gửi cho JICA để theo dõi. Ban quản lý Dự án tỉnh chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng.

3. Một số nội dung cần lưu ý trong hợp đồng:

a) Hợp đồng phải ghi rõ phần giá trị được tài trợ bởi vốn vay JICA;

b) Các điều khoản về thuế trong hợp đồng được thực hiện theo qui định về thuế hiện hành đối với dự án ODA;

c) Mức tạm ứng lần đầu quy định tại hợp đồng ký kết tùy theo từng hợp đồng và quy định hiện hành. Riêng đối với hợp đồng lâm sinh theo công đoạn mức tạm ứng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng;

d) Đồng tiền sử dụng thanh toán cho hợp đồng tư vấn nước ngoài thực hiện theo đúng các quy định của hợp đồng, căn cứ kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Đồng tiền sử dụng thanh toán cho các hợp đồng khác trừ hợp đồng tư vấn nước ngoài là đồng Việt Nam;

g) Việc thanh toán từ nguồn vốn JICA được thực hiện phù hợp với tiến độ dự án, không bị hạn chế bởi kế hoạch vốn nước ngoài hàng năm của dự án.

Điều 10. Các hình thức rút vốn nước ngoài

1. Các thủ tục rút vốn nước ngoài thực hiện theo quy định tại Hiệp định vay.

2. Các hình thức rút vốn áp dụng cho hợp đồng tư vấn nước ngoài:

a) Thủ tục hoàn trả (Reimbursement Procedure);

b) Thủ tục chuyển tiền (Transfer Procedure): Áp dụng cho phần thanh toán bằngđồng Việt Nam;

c) Thủ tục thư cam kết (Commitment Procedure): Áp dụng cho phần thanh toán bằng ngoại tệ

3. Hình thức rút vốn áp dụng cho các hợp đồng khác: Thủ tục tài khoản đặc biệt (Special Account Procedure).

4. Quy trình rút vốn theo Thủ tục chuyển tiền, Thủ tục hoàn trả và Thủ tục thư cam kết thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư này.

Điều 11. Quy trình rút vốn vào Tài khoản đặc biệt

1. Theo sự uỷ nhiệm của Bộ Tài chính, Vietcombank mở Tài khoản đặc biệt (TKĐB) bằng tiền Yên Nhật và tài khoản lãi của TKĐB tại Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ do Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Vietcombank chỉ thực hiện các giao dịch từ các tài khoản này theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ yêu cầu của Ban quản lý dự án trung ương, Bộ Tài chính làm thủ tục rút vốn lần đầu và rút vốn bổ sung vào TKĐB nói trên theo quy định của Hiệp định vay.

a) Thủ tục rút vốn lần đầu (Initial disbursement) không cần chứng từ kèm theo.

b) Thủ tục rút vốn bổ sung: Căn cứ vào công văn yêu cầu của Ban quản lý dự án trung ương, Bộ Tài chính làm thủ tục rút vốn bổ sung vào tài khoản đặc biệt theo quy định của Hiệp định vay. Ban quản lý dự án trung ương lập bảng kê và tập hợp những chứng từ đã thanh toán từ TKĐB (gồm: Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu, uỷ nhiệm chi của ngân hàng ghi rõ số tiền đã chuyển từ TKĐB đến tài khoản nhà thầu). Tỷ lệ rút vốn bổ sung thực hiện theo quy định tại Hiệp định vay. Sau khi rút vốn lần cuối, trong trường hợp có số chênh lệch dương giữa số rút vào TKĐB và chứng từ thanh toán ra từ TKĐB (do chênh lệch tỷ giá hoặc các lý do khác) Bộ Tài chính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí vốn hoàn trả JICA số chênh lệch này bằng JPY.

Điều 12. Hồ sơ thanh toán từ Tài khoản đặc biệt

Hồ sơ đề nghị thanh toán vốn JICA gửi Bộ Tài chính (Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) được lập theo quy định hiện hành về quản lý giải ngân nguồn vốn ODA gồm:

1. Công văn đề nghị thanh toán/tạm ứng từ TKĐB của Ban quản lý dự án trung ương;

2. Hợp đồng ký giữa Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án và nhà thầu (Bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư/Ban quản lý Dự án);

3. Giấy đề nghị thanh toán/tạm ứng của nhà thầu theo mẫu tại Phụ lục 1 banh hành kèm theo Thông tư này (2 bản gốc) được Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án chấp thuận;

4. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (trừ trường hợp tạm ứng);

5. Giấy đề nghị thanh toán/tạm ứng vốn đầu tư của chủ đầu tư có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản giao dịch theo mẫu số 05 tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính, trong đó ghi rõ số tiền đề nghị thanh toán bằng vốn JICA (1 bản gốc). Trường hợp rút vốn từ TKĐB để thanh toán cho hợp đồng lâm sinh thì xác nhận của Kho bạc Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 1, Điều 13 của Thông tư này;

6. Giấy bảo lãnh ngân hàng bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang đối với khoản tạm ứng (trong trường hợp thanh toán tạm ứng, trừ trường hợp tạm ứng cho Ban QLRPH đối với hợp đồng lâm sinh) theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này (bản sao có đóng dấu xác nhận sao y bản chính của Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án).

Điều 13. Trình tự thanh toán từ Tài khoản đặc biệt

1. Thanh toán hợp đồng lâm sinh ký giữa Ban Quản lý dự án tỉnh với Ban quản lý rừng phòng hộ (Ban QLRPH).

a) Sau khi ký hợp đồng, Ban quản lý dự án tỉnh phối hợp với Ban QLRPH mở một tài khoản tạm giữ tại chi nhánh/phòng giao dịch ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc một ngân hàng do các Ban Quản lý dự án lựa chọn.

Tài khoản tạm giữ do Ban QLRPH đứng tên. Điều kiện để được thanh toán từ tài khoản này là phải có xác nhận kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.

b) Để được tạm ứng về tài khoản tạm giữ, Ban quản lý dự án tỉnh gửi Ban quản lý dự án trung ương đề nghị rút vốn về tài khoản tạm giữ. Hồ sơ gửi Ban quản lý dự án trung ương để gửi Bộ Tài chính rút vốn từ Tài khoản đặc biệt về tài khoản tạm giữ gồm:

- Công văn của Ban quản lý dự án tỉnh đề nghị rút vốn về tài khoản tạm giữ của Ban QLRPH;

- Hợp đồng ký giữa Ban quản lý dự án tỉnh và Ban QLRPH, trong đó nêu rõ trị giá tạm ứng theo hợp đồng;

- Đề nghị thanh toán (rút vốn) của Ban QLRPH có xác nhận của Ban quản lý dự án tỉnh theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư để rút vốn về tài khoản tạm giữ.

Căn cứ đề nghị của Ban quản lý dự án trung ương về việc rút vốn từ TKĐB về tài khoản tạm giữ của Ban QLRPH kèm theo các tài liệu trên, trong vòng 5 ngày làm việc, Bộ Tài chính làm thủ tục rút vốn từ TKĐB chuyển về tài khoản tạm giữ của Ban QLRPH.

c) Việc chi tiêu từ tài khoản tạm giữ của Ban QLRPH theo các hợp đồng thuộc hạng mục phát triển rừng phòng hộ (gồm: trồng và chăm sóc rừng; nâng cấp rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có/không trồng bổ sung; quản lý bảo vệ rừng) ký giữa Ban QLRPH và các hộ dân, nhà thầu, nhà cung cấp v.v... thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 172/2011/TT-BTC ngày 01/12/2011 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình lâm sinh thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các khoản chi từ tài khoản tạm giữ căn cứ xác nhận kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước.

d) Để rút vốn bổ sung vào tài khoản tạm giữ: Căn cứ số dư của tài khoản tạm giữ và tiến độ thực hiện, Ban QLRPH đề nghị Ban quản lý dự án tỉnh lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành theo điểm b khoản 2 Điều này để tiếp tục rút vốn từ nguồn vốn vay nước ngoài vào tài khoản tạm giữ. Đề nghị thanh toán của Ban quản lý dự án tỉnh gửi Ban quản lý dự án trung ương cần kèm theo bảng kê do Ban QLRPH lập gồm các khoản chi từ tài khoản tạm giữ và thông tin về số, ngày của ý kiến xác nhận kiểm soát chi đối với khoản chi tương ứng của Kho bạc Nhà nước. Ban QLRPH chịu trách nhiệm về tính chính xác của Bảng kê. Ban QLDA tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung bảng kê.

e) Sau khi tất toán tài khoản tạm giữ, Ban QLRPH báo cáo Ban quản lý dự án tỉnh để sử dụng số lãi phát sinh trên tài khoản cho các nội dung hợp lệ của dự án theo quy định.

2. Đối với các hợp đồng khác trừ hợp đồng lâm sinh:

a) Thanh toán tạm ứng: Nhà thầu được thanh toán tạm ứng theo mức qui định trong hợp đồng phù hợp với quy định của JICA và quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý hợp đồng sử dụng vốn nhà nước. Hồ sơ đề nghị thanh toán

theo qui định tại Điều 12 Thông tư này. Qui trình thanh toán tương tự điểm b Khoản 2 Điều này.

b) Thanh toán khối lượng hoàn thành

Sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng theo hợp đồng đã ký, Ban quản lý dự án tỉnh tập hợp hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước địa phương để kiểm soát chi trước theo qui định về thanh toán vốn XDCB trong nước hiện hành;

Tổng số tiền đề nghị thanh toán bằng vốn JICA bằng trị giá khối lượng công việc hoàn thành đã được thẩm định trừ tạm ứng theo tỷ lệ phần trăm (%) qui định trong hợp đồng và không vượt quá số tiền được tài trợ bằng vốn JICA qui định trong hợp đồng. Trường hợp số tiền Kho bạc Nhà nước địa phương thẩm định nhỏ hơn số tiền đề nghị thanh toán, nhà thầu phải lập lại Giấy đề nghị thanh toán theo số tiền đã được Kho bạc Nhà nước địa phương thẩm định;

Sau khi có kết quả kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước địa phương, Ban quản lý dự án tỉnh tập hợp bộ hồ sơ như qui định tại Điều 12 Thông tư này gửi Ban quản lý dự án trung ương;

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, Ban quản lý dự án trung ương có trách nhiệm: Tập hợp và thẩm tra các bộ hồ sơ, đối chiếu với kế hoạch vốn đã phân bổ và danh mục hợp đồng; Phản hồi với Ban quản lý dự án tỉnh trong trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thanh toán; Gửi bộ hồ sơ đủ điều kiện thanh toán tới Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại). Bộ hồ sơ gửi Bộ Tài chính gồm: Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (01 bản gốc), Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng (01 bản gốc), Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản giao dịch theo mẫu hiện hành (01 bản gốc), Bảng tổng hợp các đề nghị thanh toán của Ban quản lý các dự án trung ương (01 bản gốc);

Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ từ Ban quản lý dự án trung ương, Bộ Tài chính căn cứ vào số dư trong TKĐB, đề nghị Vietcombank trong vòng 2 ngày làm việc chuyển tiền cho các nhà thầu/Ban QLRPH theo số tài khoản do nhà thầu/Ban QLRPH chỉ định trong Giấy đề nghị thanh toán. Sau khi chuyển tiền, Vietcombank gửi Bộ Tài chính và Ban quản lý dự án trung ương các Giấy báo chuyển tiền kèm theo chứng từ chuyển tiền của ngân hàng cho từng nhà thầu/Ban QLRPH để Bộ Tài chính phối hợp với Ban quản lý dự án trung ương làm thủ tục rút vốn bổ sung vào TKĐB. Đồng thời, Vietcombank gửi Giấy báo chuyển tiền cho Ban quản lý dự án tỉnh liên quan để theo dõi giải ngân và hạch toán kế toán.

Mục 2

CÁC LOẠI PHÍ PHÁT SINH

Điều 14. Phí ngân hàng và thanh toán

1. Phí ngân hàng bao gồm:

a) Phí dịch vụ thanh toán trong nước: Vietcombank thu phí theo biểu phí dịch vụ Ngân hàng do Tổng giám đốc Vietcombank ban hành;

b) Phí dịch vụ thanh toán đối ngoại: Thanh toán theo số tiền thực tế mà Ngân hàng nước ngoài yêu cầu.

2. Thanh toán các loại phí như sau:

a) Phí chuyển tiền khi trả nợ nước ngoài: Vietcombank được tự động ghi nợ tài khoản tiền gửi của Ngân sách Nhà nước (mở tại Vietcombank);

b) Phí dịch vụ ngân hàng trong nước cho các khoản thanh toán từ tài khoản đặc biệt: Ban quản lý dự án tỉnh mở tài khoản trả phí tại chi nhánh Ngân hàng Vietcombank địa phương để thanh toán phí. Nguồn thanh toán phí lấy từ vốn đối ứng của ngân sách địa phương;

c) Phí liên quan đến việc thanh toán bằng hình thức trực tiếp hoặc cam kết đối với hợp đồng tư vấn nước ngoài: Phí được thu từ tài khoản do Ban quản lý dự án trung ương mở tại Vietcombank, sử dụng vốn đối ứng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí.

3. Phí của Nhà nhập khẩu (trong trường hợp ủy thác nhập khẩu):

Nhà nhập khẩu do Ban quản lý dự án lựa chọn có nhiệm vụ đàm phán ký kết Hợp đồng mua hàng với đơn vị trúng thầu (nhà cung cấp nước ngoài), thực hiện mọi thủ tục nhập khẩu hàng hoá với sự giám sát của Ban quản lý dự án, được hưởng phí uỷ thác nhập khẩu, phí cung ứng theo thoả thuận với Ban quản lý dự án và quy định hiện hành của Nhà nước. Các phí này Nhà nhập khẩu thu từ các đơn vị nhận hàng và thanh toán từ vốn đối ứng của Ban quản lý Dự án.

Mục 3

HẠCH TOÁN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 15. Nguyên tắc hạch toán vốn vay

Vốn vay JICA dùng để cấp phát cho Dự án phải được hạch toán đầy đủ kịp thời vào Ngân sách Nhà nước. Nguyên tắc hạch toán qua ngân sách là ghi thu, ghi chi Ngân sách Trung ương hoặc ghi thu Ngân sách Trung ương, ghi chi bổ sung có mục tiêu cho Ngân sách địa phương (NSĐP). Việc hạch toán qua ngân sách được thực hiện cụ thể như sau:

1. Đối với chi phí thuộc các hợp đồng do Ban quản lý dự án trung ương thực hiện: Căn cứ thông báo giải ngân của JICA và Vietcombank, Bộ Tài chính làm thủ tục ghi thu vốn vay JICA và ghi chi cấp phát vốn vay JICA cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Dự án.

2. Đối với chi phí thuộc các hợp đồng do Ban quản lý dự án tỉnh và Ban QLRPH thực hiện: Bộ Tài chính căn cứ thông báo giải ngân từ tài khoản đặc biệt của Vietcombank làm thủ tục ghi thu vốn vay JICA, ghi chi bổ sung có mục tiêu của Ngân sách trung ương cho Ngân sách tỉnh.

Điều 16. Quy trình hạch toán vốn vay

1. Ban quản lý dự án trung ương định kỳ hàng Quý tổng hợp số liệu chi trong Quý gửi Bộ Tài chính để đề nghị hạch toán vốn vay.

2. Căn cứ vào lệnh chi Bộ Tài chính (thông qua Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước Trung ương) gửi, Sở Tài chính địa phương tiến hành lập lệnh thu Ngân sách địa phương và lệnh chi cho các đơn vị sử dụng vốn gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để hạch toán vốn vay.

3. Trị giá ghi thu ghi chi của Ngân sách căn cứ tỉ giá do Vietcombank công bố tại thời điểm chuyển tiền (đối với việc thanh toán từ TKĐB) hoặc tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính qui định tại thời điểm rút vốn (đối với phần thanh toán theo hình thức trực tiếp và cam kết).

Mục 4

CÔNG TÁC BÁO CÁO, KIỂM TRA, QUYẾT TOÁN

Điều 17. Công tác báo cáo, kiểm tra và quyết toán

1. Hàng năm UBND tỉnh, Ban quản lý dự án trung ương báo cáo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiến độ thực hiện Dự án, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn vay;

2. Ban quản lý dự án trung ương tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình quản lý và sử dụng vốn vay, tài sản được mua sắm bằng ngân sách Dự án của các địa phương. Nếu phát hiện trường hợp sử dụng vốn vay, tài sản Dự án không đúng với quy định thì sẽ thu hồi số vốn đã chuyển, tài sản Dự án hoặc tạm ngừng chuyển vốn để có biện pháp xử lý thích hợp;

3. Các tỉnh tổng hợp quyết toán Ngân sách địa phương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung theo qui định;

4. Ban quản lý dự án trung ương chịu trách nhiệm chính trong việc điều phối cung cấp thông tin, số liệu cho các đoàn kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của JICA và Chính phủ Việt Nam;

5. Ban quản lý dự án tỉnh chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ chứng từ thanh toán phù hợp với qui định về thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hiện hành và theo đúng các quy định của Luật Kế toán để xuất trình khi có yêu cầu, phục vụ công tác giám sát, theo dõi, đánh giá và kiểm toán Dự án.

6. Quyết toán vốn hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành

a) Ban quản lý dự án tỉnh lập báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành đối với phần chi tại địa phương có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi cấp phát vốn, báo cáo UBND tỉnh/Sở Tài chính xem xét, phê duyệt, đồng thời gửi Ban quản lý dự án trung ương.

b) Ban quản lý dự án trung ương lập báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành đối với phần chi tại trung ương, có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và tổng hợp quyết toán toàn dự án (Ban quản lý dự án trung ương và 11 tỉnh) trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết toán kinh phí hàng năm và quyết toán khi dự án kết thúc theo quy định.

Mục 5

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý chung các hoạt động của Dự án; quản lý tài chính đối với nguồn vốn vay nước ngoài và vốn đối ứng được giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện các hợp phần liên quan của Dự án.

Bố trí đầy đủ, kịp thời vốn nước ngoài, vốn đối ứng cho Ban quản lý dự án trung ương trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ;

2. Hướng dẫn các tỉnh bố trí đủ vốn nước ngoài, vốn đối ứng, sử dụng vốn đúng mục đích đã được duyệt;

3. Soạn thảo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý Dự án địa phương về công tác lập kế hoạch và điều hành thực hiện các hoạt động dự án ở địa phương theo quy định của Hiệp định vay đã ký.

4. Phê duyệt quyết toán phần vốn nước ngoài, vốn đối ứng được giao để thực hiện các hợp phần liên quan của Dự án theo quy định về quyết toán hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn vay JICA và nguồn vốn đối ứng để thực hiện dự án.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh dự án hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện Dự án.

Điều 20. Trách nhiệm của Ban quản lý dự án Trung ương

1. Tổ chức đấu thầu, thuê tư vấn nước ngoài cho Dự án theo quy định, quản lý và giám sát các hoạt động của dịch vụ tư vấn nước ngoài.

2. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính tổ chức tập huấn, hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán cho các địa phương.

3. Thống nhất nội dung hợp đồng mẫu phù hợp với qui định của Nhà tài trợ, Chính phủ Việt Nam để áp dụng cho toàn Dự án.

4. Hướng dẫn các Ban quản lý dự án tỉnh lập các chứng từ theo mẫu qui định của JICA phù hợp với từng phương thức rút vốn.

5. Nhận và thẩm tra hồ sơ thanh toán từ Ban quản lý dự án các tỉnh, đối chiếu với kế hoạch vốn JICA và hợp đồng. Chuyển hồ sơ đủ điều kiện thanh toán tới Bộ Tài chính để làm thủ tục giải ngân vốn JICA, có ý kiến phản hồi đối với hồ sơ không đủ điều kiện thanh toán cho Ban quản lý Dự án tỉnh.

6. Có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với tư vấn, các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, kiểm toán Dự án.

7. Có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo tiến độ thực hiện dự án, báo cáo tài chính chung của dự án để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Nhà tài trợ.

8. Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng năm cho toàn dự án theo quy định hiện hành.

9. Lập báo cáo quyết toán nguồn vốn nước ngoài, vốn đối ứng cho dự án đối với phần vốn được giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về quyết toán hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án trung ương hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán cho các địa phương.

2. Làm thủ tục kiểm tra hồ sơ theo quy định của Thông tư này và quy định liên quan về quản lý tài chính đối với nguồn vốn ODA để rút vốn vay JICA từ nước ngoài và rút vốn từ TKĐB đối với Dự án.

3. Làm thủ tục ghi thu ghi chi ngân sách trung ương đối với các khoản rút vốn từ nguồn nước ngoài theo quy định về hạch toán NSNN đối với nguồn vốn ODA.

4. Tham gia cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý dự án trung ương theo đề nghị để theo dõi giám, sát việc quản lý tài chính đối với các nguồn vốn của ngân sách trung ương để thực hiện dự án.

5.Trả nợ JICA khi đến hạn.

Điều 22. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

1. Thực hiện kiểm soát xác nhận đề nghị tạm ứng, thanh toán từ nguồn vốn nước ngoài và cấp phát vốn đối ứng cho dự án theo quy định của Hiệp định vay, Thông tư này và các quy định về thanh toán vốn lâm sinh, vốn đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, trong đó xác định rõ số tiền được tài trợ bằng vốn JICA, vốn đối ứng.

2. Phối hợp với Sở Tài chính để thực hiện hạch toán ngân sách cho dự án.

Điều 23. Trách nhiệm của Uỷ ban Nhân dân tỉnh

1. UBND tỉnh có trách nhiệm quản lý toàn diện nguồn vốn vay JICA được giao để thực hiện tiểu Dự án của tỉnh; chỉ đạo, điều hành các cơ quan trực thuộc thực hiện tốt dự án trên địa bàn tỉnh đúng mục đích, đúng quy định, sử dụng vốn có hiệu quả

2. Phê duyệt hoặc chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành của tỉnh thẩm định phê duyệt kế hoạch, dự toán, quyết toán hoàn thành các công trình, hạng mục công trình, quyết toán năm và quyết toán tiểu Dự án hoàn thành theo quy định.

3. Bố trí đủ, kịp thời vốn đối ứng và quỹ đất cho dự án theo tiến độ thực hiện tiểu dự án tỉnh theo đúng cam kết với Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nhà tài trợ để đảm bảo việc giải ngân, sử dụng vốn vay nước ngoài kịp thời, có hiệu quả.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ đầu tư tiểu dự án tỉnh, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc chỉ đạo, điều hành Ban quản lý dự án tỉnh, Ban QLRPH thực hiện tốt các hoạt động của tiểu dự án theo Báo cáo đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt và Hiệp định vay đã ký.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án địa phương.

3. Thẩm định và phê duyệt các thiết kế, dự toán chi phí, hồ sơ thầu cho các hoạt động dự án. Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và quản lý các nguồn vốn đối với tiểu dự án tại tỉnh.

4. Phối hợp với Ban quản lý dự án trung ương thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án.

Điều 25. Trách nhiệm của Ban quản lý dự án tỉnh

1. Ban QLDA tỉnh là Cơ quan đại diện của Chủ đầu tư tiểu Dự án tỉnh, là đầu mối quản lý thực hiện dự án ở địa phương, chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, báo cáo với Ban quản lý dự án trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, UBND tỉnh. Thường xuyên phối hợp và báo cáo cho Sở Tài chính và Kho Bạc Nhà nước tỉnh các thông tin liên quan đến dự án ở địa phương.

2. Tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, ... theo thủ tục đầu tư XDCB và đầu tư lâm sinh: tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu hiện hành.

3. Ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về hợp đồng. Lập danh mục các hợp đồng được tài trợ bằng vốn JICA ở địa phương (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Ban quản lý dự án trung ương.

4. Kiểm tra hoặc ký hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát để kiểm tra chất lượng công trình phù hợp với thiết kế kỹ thuật. Xác nhận vào giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

5. Đôn đốc, kiểm tra, tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện các hợp đồng đã ký với nhà thầu. Thực hiện các thủ tục giải ngân nguồn vốn JICA theo quy định tại Thông tư này.

6. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tập hợp đề nghị thanh toán hợp lệ gửi Ban quản lý dự án trung ương.

7. Hướng dẫn nhà thầu, Ban QLRPH và các cơ quan liên quan khác ở địa phương về các thủ tục quản lý và sử dụng vốn JICA.

8. Xây dựng kế hoạch vốn JICA, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án địa phương.

9. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án cho các cơ quan quản lý liên quan theo quy định.

10. Thực hiện việc thanh toán các chi phí thuộc nguồn vốn đối ứng.

11. Theo dõi tiến độ hoàn thành dự án, căn cứ vào thông báo thanh toán cho nhà thầu của Bộ Tài chính để tiến hành quyết toán hợp đồng với nhà thầu.

12. Thực hiện quyết toán các hạng mục đầu tư dự án và tiểu Dự án theo qui định về quyết toán vốn XDCB hiện hành.

13. Phối hợp với Ban quản lý dự án trung ương tổ chức thực hiện kiểm toán hàng năm;

14. Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của tiểu Dự án tỉnh.

15. Lập báo cáo quyết toán hàng năm và quyết toán hoàn thành đối với các nguồn vốn được giao để thực hiện tiểu dự án tại tỉnh theo quy định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính tỉnh

1.Thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt quyết toán hàng năm và quyết toán tiểu Dự án hoàn thành.

2. Hạch toán vào ngân sách tỉnh nguồn vốn vay JICA được ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh để thực hiện tiểu Dự án tại tỉnh, căn cứ chứng từ ghi thu ghi chi ngân sách của Bộ Tài chính.

3. Đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng để Kho bạc Nhà nước thanh toán cho dự án kịp thời, phù hợp với tiến độ giải ngân vốn nước ngoài.

Điều 27. Trách nhiệm của Ngân hàng phục vụ trong nước

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

a) Mở các tài khoản của dự án theo quy định tại Hiệp định vay, Thông tư này và quy định hiện hành về mở và quản lý các tài khoản của dự án ODA.

b) Hướng dẫn Ban quản lý dự án trung ương mở thư tín dụng (L/C) và thực hiện các nghiệp vụ thanh toán đối ngoại.

c) Thực hiện thanh toán theo các phương thức rút vốn qui định tại Hiệp định vay theo yêu cầu của Bộ Tài chính và gửi các loại chứng từ phù hợp với từng hình thức thanh toán cho Bộ Tài chính, Ban quản lý dự án trung ương, Ban quản lý Dự án tỉnh và đơn vị thụ hưởng.

d) Theo dõi và thông báo cho Bộ Tài chính, Ban quản lý dự án trung ương các giao dịch của TKĐB (rút vốn vào TKĐB, chi ra từ TKĐB, số dư TKĐB) khi phát sinh giao dịch và định kỳ hàng tháng.

2. Ngân hàng quản lý tài khoản tạm giữ của dự án (do các Ban Quản lý dự án lựa chọn): kiểm soát tài khoản tạm giữ, chỉ thanh toán ra từ tài khoản tạm giữ khi có xác nhận kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước tại địa phương.

Điều 28. Trách nhiệm của các Ban quản lý rừng phòng hộ

1. Sử dụng tiền tạm ứng và tiền thanh toán của Dự án đúng mục đích; đúng quy định.

2. Thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện, tiến độ thanh toán của các hợp đồng lâm sinh đã ký cho Ban quản lý dự án tỉnh và phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nơi sở tại thực hiện các hợp đồng lâm sinh đúng quy định.

3. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan liên quan đối với các hợp đồng đã ký với Ban QLDA tỉnh, các hộ dân, đơn vị thuộc hạng mục phát triển rừng phòng hộ và thực hiện chế độ kiểm toán khi được yêu cầu.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 9 tháng 10 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét sửa đổi bổ sung nếu cần thiết./.

Nơi nhận:
- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND 11 tỉnh tham gia dự án;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VP BC ĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, Sở NN&PTNT 11 tỉnh tham gia dự án;
- Kho bạc NN 11 tỉnh tham gia dự án;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Lưu: VT, QLN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung